

Danh sách
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
(DẠNG THỨC TOEIC 450+)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-TTNTH, ngày tháng năm 2026 của Giám đốc
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học)

Khóa thi ngày: 29/12/2025

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
01	291201	Phùng Thị Ngọc Ánh	17/01/2005	Gia Lai	705	Cấp CN
02	291202	Phùng Thị Kim Anh	03/04/2001	Tp. Hồ Chí Minh	285	
03	291203	Phạm Nguyễn Trâm Anh	12/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	270	
04	291204	Trần Hoàng Duy Bảo	27/08/2003	Lâm Đồng	340	
05	291205	Lê Minh Chí	19/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	320	
06	291206	Hoàng Minh Chiến	01/07/2003	Lâm Đồng	550	Cấp CN
07	291207	Nguyễn Trương Cẩm Đài	23/10/2000	Tây Ninh	380	
08	291208	Nguyễn Hữu Đăng	10/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	230	
09	291209	Nguyễn Tấn Đạt	22/01/2003	Khánh Hòa	275	
10	291210	Nguyễn Phan Quốc Đạt	19/05/2005	Khánh Hòa	370	
11	291211	Trần Thị Ngọc Diễm	24/09/2004	Quảng Ngãi	635	Cấp CN
12	291212	Trần Quang Diễm	07/04/1999	Tp. Hồ Chí Minh	635	Cấp CN
13	291213	Lê Công Đức	29/09/2003	Nghệ An	295	
14	291214	Trần Thị Thùy Dương	07/04/2004	Tây Ninh	635	Cấp CN
15	291215	Phạm Nguyễn Hoàng Duy	26/10/2003	Tây Ninh	540	Cấp CN
16	291216	Nguyễn Thị Ngọc Hân	14/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	370	
17	291217	Nguyễn Hoàng Kim Hân	01/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	540	Cấp CN
18	291218	Đặng Thị Diễm Hằng	25/09/2005	Quảng Ngãi	750	Cấp CN
19	291219	Lô Minh Hiếu	24/04/2003	Gia Lai	505	Cấp CN
20	291220	Đỗ Minh Hoàng	29/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	600	Cấp CN
21	291221	Phan Thị Cẩm Hồng	21/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	540	Cấp CN
22	291222	Vu Nguyễn Gia Huy	14/09/2006	Tp. Hồ Chí Minh	520	Cấp CN
23	291223	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/01/2006	An Giang	315	
24	291224	Danh Hữu Khánh	02/07/2004	An Giang	315	
25	291225	Nguyễn Đăng Khoa	27/07/2005	Tây Ninh	380	
26	291226	Võ Đặng Anh Khoa	29/09/2003	Đồng Tháp	460	Cấp CN
27	291227	Nguyễn Đình Khôi	01/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	715	Cấp CN
28	291228	Nguyễn Cao Tuấn Kiệt	11/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	700	Cấp CN
29	291229	Dương Anh Kiệt	21/02/2004	Tây Ninh	640	Cấp CN
30	291230	Võ Tuấn Kiệt	04/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	795	Cấp CN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
31	291231	Nguyễn Thanh Kiều	09/05/2003	Lâm Đồng	735	Cấp CN
32	291232	Nguyễn Hoàng Lâm	03/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	730	Cấp CN
33	291233	Dương Phan Lanh	02/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	325	
34	291234	Nguyễn Đức Linh	05/07/2002	Quảng Trị	300	
35	291235	Đinh Hoàng Long	05/09/2006	Tp. Hồ Chí Minh	330	
36	291236	Trương Nguyễn Thành Luân	14/12/2005	Đồng Tháp	755	Cấp CN
37	291237	Nguyễn Huỳnh Xuân Mai	20/06/2005	Tây Ninh	685	Cấp CN
38	291238	Trần Gia Mi	17/06/2005	Vĩnh Long	725	Cấp CN
39	291239	Nguyễn Tấn Miều	17/07/2003	Lâm Đồng	755	Cấp CN
40	291240	Nguyễn Đức Minh	08/11/2003	Đồng Nai	675	Cấp CN
41	291241	Lê Bá Duy Minh	29/10/2005	Lâm Đồng	585	Cấp CN
42	291242	Nguyễn Tuấn Minh	14/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	570	Cấp CN
43	291243	Nguyễn Thị Thu Minh	02/09/2003	Khánh Hòa	555	Cấp CN
44	291244	Phan Nhật Minh	17/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	710	Cấp CN
45	291245	Trần Ngọc Diễm My	18/01/2006	Tp. Hồ Chí Minh	700	Cấp CN
46	291246	Nguyễn Cẩm Diễm My	13/11/2000	Đồng Tháp	335	
47	291247	Lâm My	24/02/2005	Tp. Hồ Chí Minh	745	Cấp CN
48	291248	Nguyễn Khánh Nam	22/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	920	Cấp CN
49	291249	Phạm Hoài Nam	11/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	760	Cấp CN
50	291250	Phạm Nguyễn Hoài Nam	25/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	600	Cấp CN
51	291251	Hồ Khánh Nam	01/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	625	Cấp CN
52	291252	Đoàn Nguyễn Thanh Nghĩa	03/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	670	Cấp CN
53	291253	Thân Minh Ngoan	12/12/2005	Tây Ninh	585	Cấp CN
54	291254	Nguyễn Khánh Ngọc	25/09/2005	Tây Ninh	670	Cấp CN
55	291255	Nguyễn Bảo Ngọc	12/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	780	Cấp CN
56	291256	Sơn Mỹ Ngọc	02/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	700	Cấp CN
57	291257	Huỳnh Nguyễn Mai Nguyên	12/08/2005	Lâm Đồng	260	
58	291258	Mai Trung Nguyên	25/04/2001	Vĩnh Long	315	
59	291259	Huỳnh Minh Nguyên	21/05/2003	Cà Mau	465	Cấp CN
60	291260	Đỗ Thị Thanh Nhân	24/02/2003	Đà Nẵng	710	Cấp CN
61	291261	Bùi Thị Thanh Nhân	04/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	605	Cấp CN
62	291262	Trần Ngọc Nhi	27/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	525	Cấp CN
63	291263	Nguyễn Yến Nhi	18/10/2005	Tây Ninh	845	Cấp CN
64	291264	Tạ Nguyễn Thanh Nhi	02/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	720	Cấp CN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
65	291265	Vũ Ngọc Trinh Nhi	07/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	690	Cấp CN
66	291266	Huỳnh Lan Nhi	20/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	320	
67	291267	Nguyễn Thị Yến Nhi	28/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	-	Vắng
68	291268	Nguyễn Hoàng Phương Nhi	29/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	490	Cấp CN
69	291269	Huỳnh Thị Ngọc Như	26/05/2005	Đồng Tháp	745	Cấp CN
70	291270	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	01/06/2005	Đồng Tháp	615	Cấp CN
71	291271	Trần Minh Như	23/09/2003	Tây Ninh	365	
72	291272	Cao Nguyễn Huỳnh Như	24/10/2005	Tây Ninh	350	
73	291273	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	26/04/2003	Tây Ninh	345	
74	291274	Võ Tấn Phát	29/10/2004	Tây Ninh	245	
75	291275	Trần Nguyên Phú	31/01/2003	Quảng Trị	345	
76	291276	Cao Thị Hồng Phúc	25/12/2005	Tây Ninh	475	Cấp CN
77	291277	Đặng Anh Phúc	04/10/2003	Tây Ninh	300	
78	291278	Đặng Nhật Phúc	04/10/2003	Tây Ninh	350	
79	291279	Bùi Kha Ngọc Phương	06/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	615	Cấp CN
80	291280	Võ Thị Lệ Quyên	13/07/2003	Quảng Ngãi	410	
81	291281	Nguyễn Thanh Sang	02/10/2006	Đồng Nai	-	Vắng
82	291282	Hồ Tấn Sang	08/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	-	Vắng
83	291283	Phạm Phát Tài	25/07/2003	Tây Ninh	375	
84	291284	Lê Nguyễn Tấn Tài	10/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	270	
85	291285	Nguyễn Duy Tài	17/02/2001	Lâm Đồng	290	
86	291286	Đỗ Thành Tài	22/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	315	
87	291287	Nguyễn Như Tâm	15/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	440	
88	291288	Nguyễn Ngọc Thái	14/11/2004	Đồng Nai	755	Cấp CN
89	291289	Trần Thị Việt Thanh	07/08/2005	Tây Ninh	455	Cấp CN
90	291290	Nguyễn Duy Thành	05/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	390	
91	291291	Nguyễn Trọng Thế	21/08/2003	Khánh Hòa	310	
92	291292	Tăng Văn Thơm	25/01/2003	Đắk Lắk	285	
93	291293	Nguyễn Hoàng Minh Thư	06/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	735	Cấp CN
94	291294	Nguyễn Hoài Thương	11/02/2003	Quảng Ngãi	575	Cấp CN
95	291295	Phùng Thái Tiến	11/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	290	
96	291296	Võ Kim Tiên	25/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	500	Cấp CN
97	291297	Phạm Huy Toàn	20/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	365	
98	291298	Nguyễn Thị Thùy Trang	14/02/2003	Quảng Ngãi	320	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
99	291299	Trần Huỳnh Đoan Trang	07/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	550	Cấp CN
100	291300	Huỳnh Minh Trí	20/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	535	Cấp CN
101	291301	Lê Đức Trọng	29/11/2003	Ninh Bình	470	Cấp CN
102	291302	Nguyễn Hoàng Trung	06/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	145	
103	291303	Nguyễn Quang Anh Tú	22/03/2000	Tp. Hồ Chí Minh	350	
104	291304	Nguyễn Đức Tuấn	09/07/2006	Đồng Nai	695	Cấp CN
105	291305	Võ Xuân Anh Tuấn	24/06/2002	Lâm Đồng	495	Cấp CN
106	291306	Nguyễn Anh Tuấn	25/05/2003	Đồng Nai	560	Cấp CN
107	291307	Nguyễn Thị Khánh Vy	26/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	300	
108	291308	Tăng Cẩm Vy	10/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	560	Cấp CN
109	291309	Nguyễn Gia Thái Vy	02/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	310	
110	291310	Đào Bùi Quang Vỹ	22/10/2003	Đắk Lắk	365	

Tổng cộng: 110 Thí sinh